

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-4-2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đăng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Thanh Thủy

2. Ông Lê Phú Chánh Thể

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Phượng Tường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: ấp Tân Lợi, xã T, huyện G, tỉnh B.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: ấp Tân Lợi, xã T, huyện G, tỉnh B.

Tất cả có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/01/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Nguyễn Thị C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Lợi Thạnh, huyện Giồng Trôm vào ngày 01/10/1987. Ông và bà C chung sống có hạnh phúc được thời gian dài, thời gian gần đây khoảng năm 2021 giữa vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà C tham gia vào việc vay tiền, chơi hụi gây thiệt hại kinh tế cho gia đình, từ đó vợ chồng không còn tin tưởng nhau. Ngoài ra, bà C còn ghen tuông làm mất danh dự, uy tín của ông. Vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ lẫn nhau và đã sống ly thân khoảng 10 tháng nay. Do xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà C.

Về con chung: ông và bà C có 03 con chung tên Nguyễn Tấn Khiêm, sinh ngày 06/02/1988 (đã chết năm 2019), Nguyễn Tấn Khánh, sinh ngày 09/5/1990, Nguyễn

Phước Kháng, sinh ngày 24/3/1993, hiện Tấn Khánh và Phước Kháng đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: không tranh chấp, nợ chung: không có.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân như ông T trình bày là đúng. Thời gian dài vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến tháng 3/2021 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bà tham gia vay tiền, chơi hụi nhưng do làm ăn thất bại làm tổn thất kinh tế gia đình. Ngoài ra, trong quá trình chung sống ông T nhiều lần có mối quan hệ với người khác bên ngoài, bà có ghen tuông nên gia đình không yên ổn. Việc bà tham gia vay tiền, chơi hụi cũng để lo cho kinh tế gia đình chứ không vì mục đích khác. Trong quá trình chung sống thì bà vẫn làm tròn trách nhiệm làm vợ, làm mẹ, làm dâu, bà không có lỗi trong cuộc sống vợ chồng, hiện bà vẫn còn yêu thương ông T nhưng do ông T muốn tự do nên yêu cầu ly hôn với bà, bà và ông T đã sống ly thân 08 tháng. Nay theo yêu cầu xin ly hôn của ông T thì bà không đồng ý, bà muốn hàn gắn gia đình để vợ chồng lớn tuổi cùng dựa dẫm, nương tựa nhau trong cuộc sống.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung như ông T trình bày, Nguyễn Tấn Khiêm (đã chết năm 2019), hiện Tấn Khánh và Phước Kháng đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không tranh chấp.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị C. Về tài sản chung thì ông cho rằng trong gia đình cũng đã có sự bàn bạc, thỏa thuận. Về nợ chung thì về những khoản nợ của bà C với người khác thì cơ bản đã giải quyết xong. Đối với những khoản nợ mà người khác nợ bà C thì bà C tùy ý quyết định, ông không có ý kiến và cũng không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Bà Nguyễn Thị C vẫn giữ ý kiến không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T. Về tài sản chung và nợ chung thì bà thống nhất với ý kiến của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lợi Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 01/10/1987 nên quan hệ hôn nhân của ông bà được coi là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C thừa nhận trong quá trình chung sống, ông bà sống có hạnh phúc được thời gian dài, gần đây thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông T trình bày là do bà C tham gia chơi hụi, vay tiền mà không bàn bạc với ông, làm ảnh hưởng kinh tế gia đình. Bà C thì cho rằng ông T có mối quan hệ với người khác bên ngoài nên bà ghen tuông làm mất hạnh phúc gia đình. Ông T, bà C đã sống ly thân khoảng 08 tháng nay.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C đều thừa nhận thời điểm ông, bà còn chung sống thì giữa hai bên đã xảy ra những mâu thuẫn. Tuy nhiên, cả ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C đều không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không hạnh phúc. Mặt khác, hiện tại ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C đã sống ly thân với nhau cách nay khoảng 08 tháng, từ khi vợ chồng sống ly thân, ông bà không còn quan tâm chăm sóc nhau như vợ chồng. Điều này chứng tỏ, tình trạng hôn nhân của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu xin đoàn tụ của bà Nguyễn Thị C, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Nguyễn Văn T cho rằng mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng. Thực tế ông T và bà C không còn sống chung và chăm sóc, lo lắng với nhau như vợ chồng. Tòa án đã động viên ông Nguyễn Văn T hàn gắn với bà C vì bà C không đồng ý ly hôn nhưng ông Nguyễn Văn T vẫn kiên quyết xin ly hôn. Bà C cũng không có căn cứ chứng minh về việc đoàn tụ, hàn gắn được với ông Nguyễn Văn T. Do đó, không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của bà C.

[2] *Về con chung*: ông T và bà C có tên 03 con chung tên Nguyễn Tấn Khiêm, sinh ngày 06/02/1988 (đã chết năm 2019), Nguyễn Tấn Khánh, sinh ngày 09/5/1990, Nguyễn Phước Khánh, sinh ngày 24/3/1993, hiện Tấn Khánh và Phước Khánh đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về tài sản chung*: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí*: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị C.

2. *Về con chung*: Ghi nhận ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C có 03 con chung tên Nguyễn Tấn Khiêm, sinh ngày 06/02/1988 (đã chết năm 2019), Nguyễn Tấn Khánh, sinh ngày 09/5/1990, Nguyễn Phước Khánh, sinh ngày 24/3/1993, hiện Tấn Khánh và Phước Khánh đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004699 ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Tân Lợi Thạnh;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Đang